



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

Ngày 31/12/2025	131,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.5%	-	-

DT thuần Q4/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.9 146%
YoY: ▲ 113 87081%

LN thuần Q4/25
-7.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▼223 -104%
YoY: ▼538 -101%

LN sau thuế Q4/25
-15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼183 -109%
YoY: ▼449 -104%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
43.4%
YoY: +/-▼ 25688%

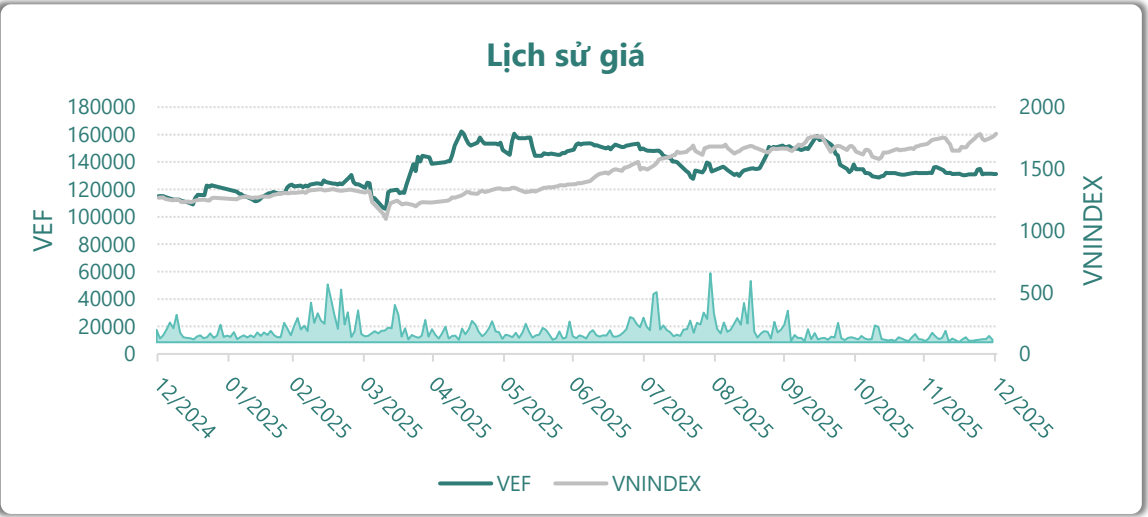
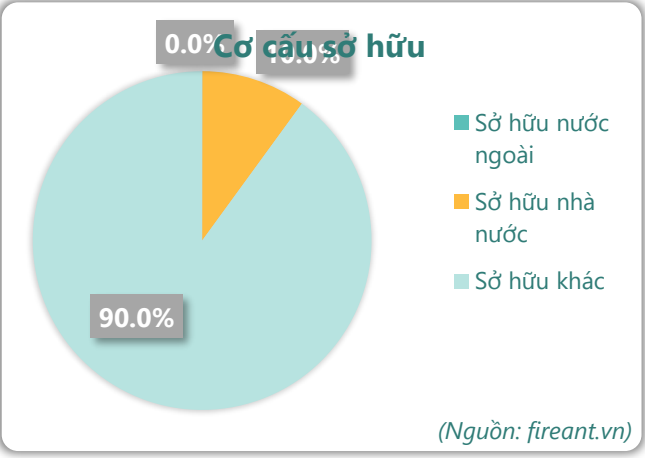
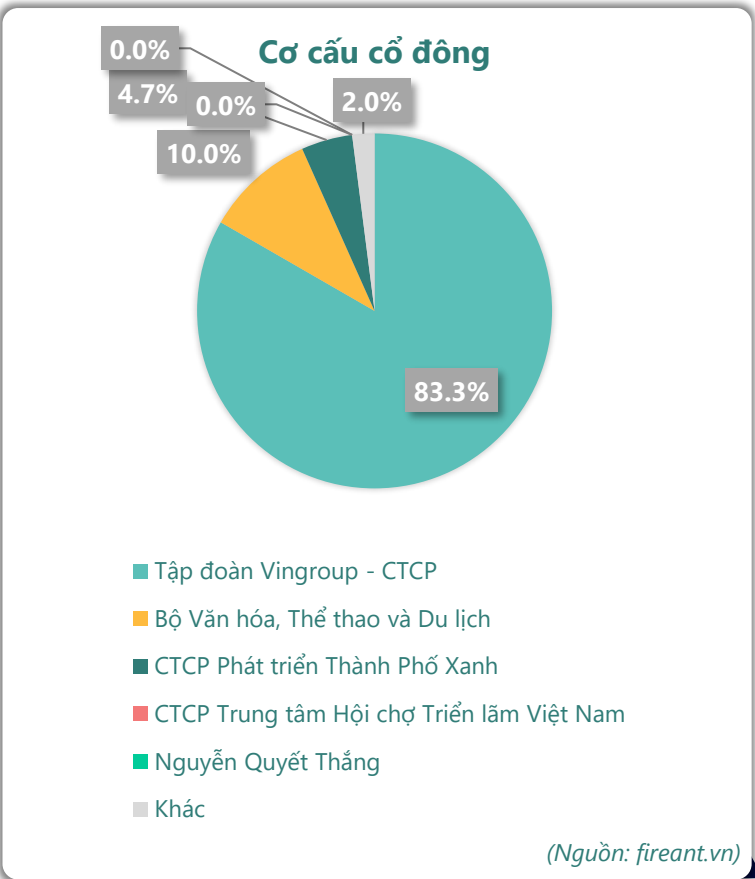
ROE 2025
288%
YoY: +/-▲ 261%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	105,773 - 162,274
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,858
Số lượng CPLH (CP)	166,601,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,345
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.26
EPS	92,453
P/E	1.4

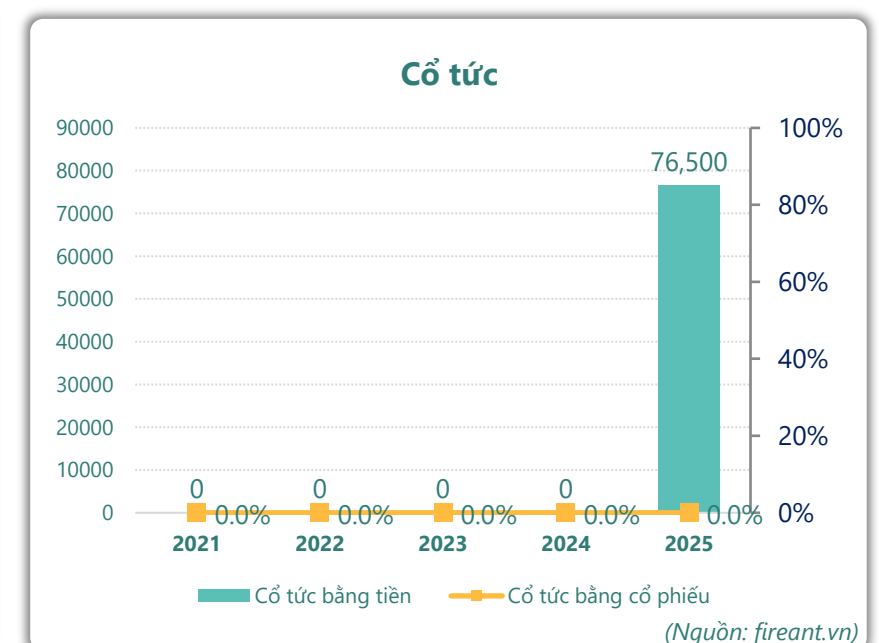
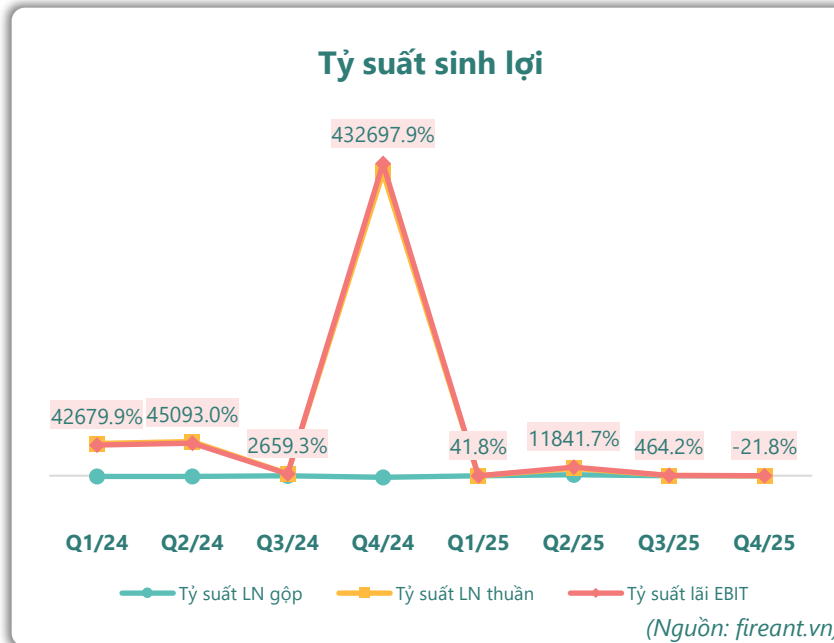
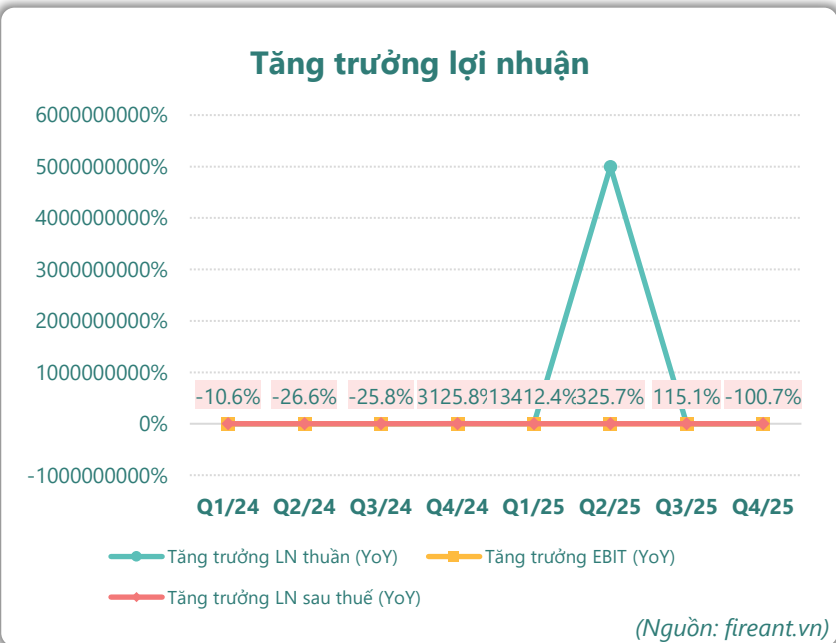
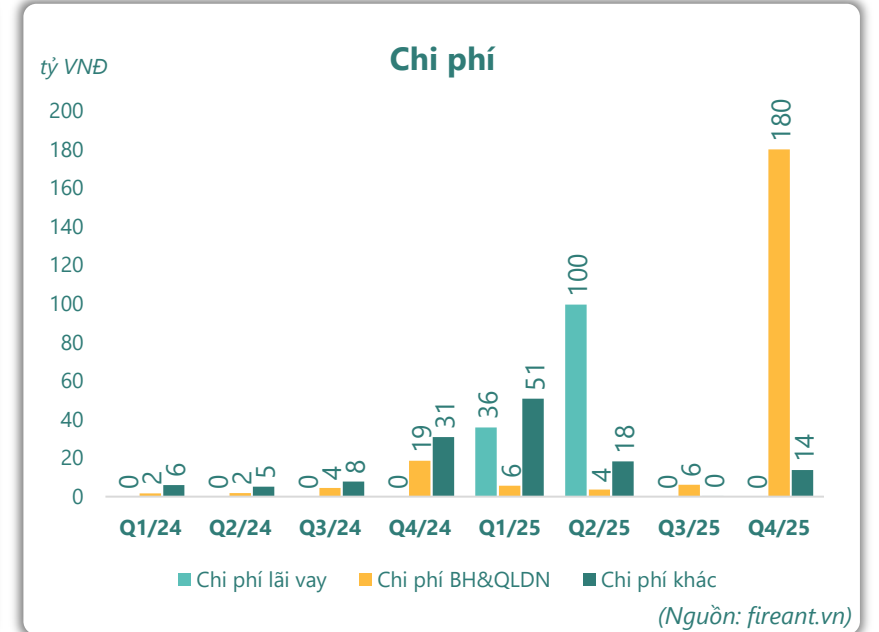
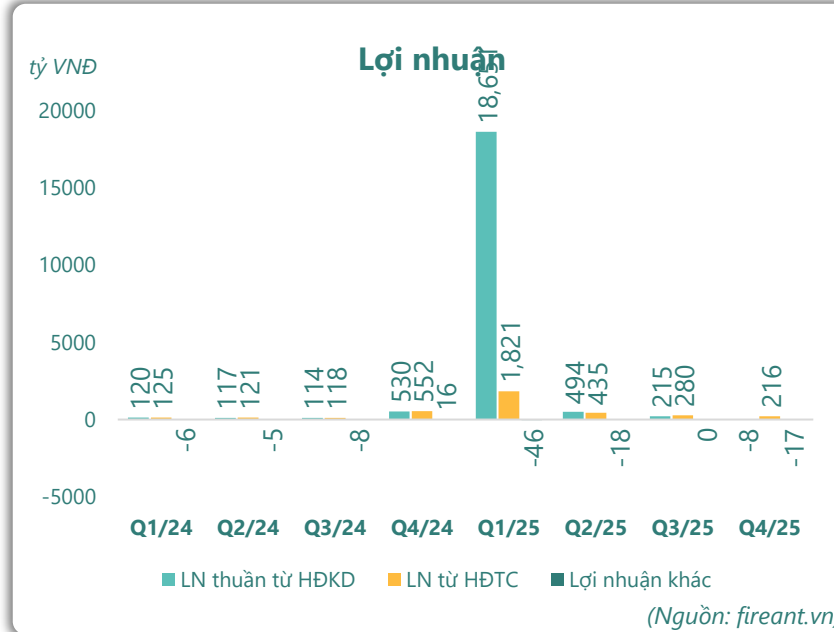
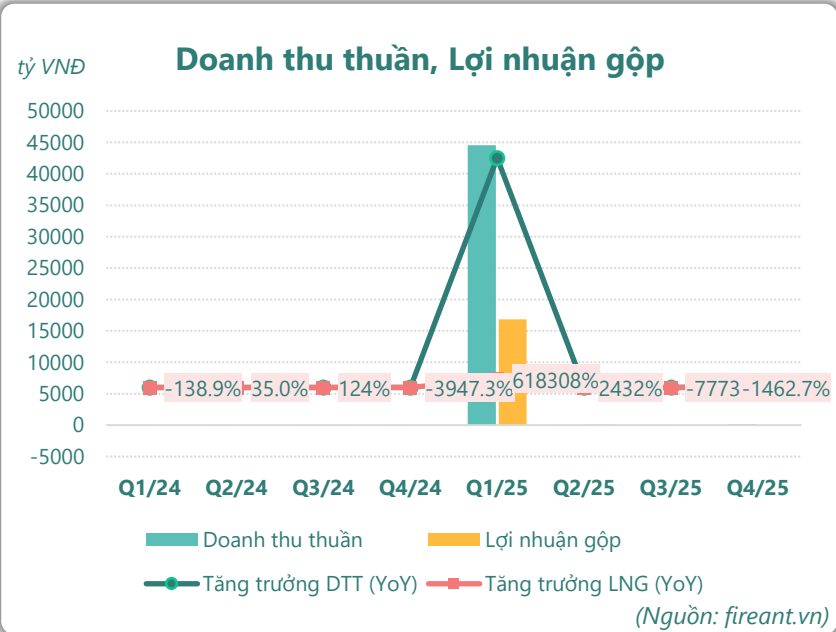
DT thuần 2025
44,725
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44,720

LN thuần 2025
19,352
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18,163 1528%

LN sau thuế 2025
15,403
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14,461 1535%



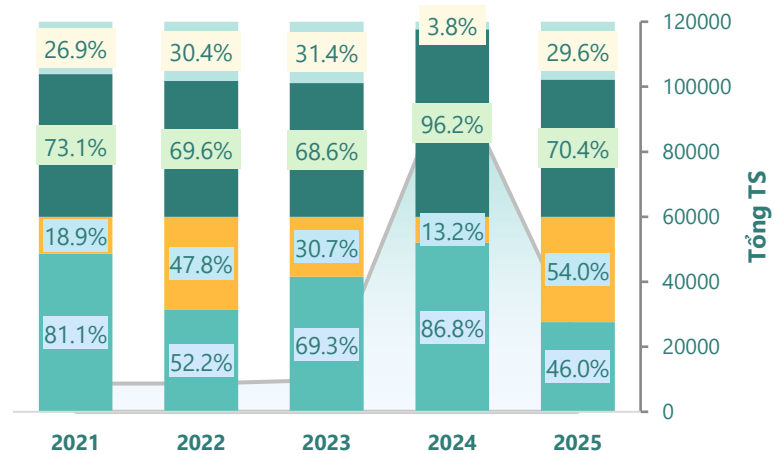
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

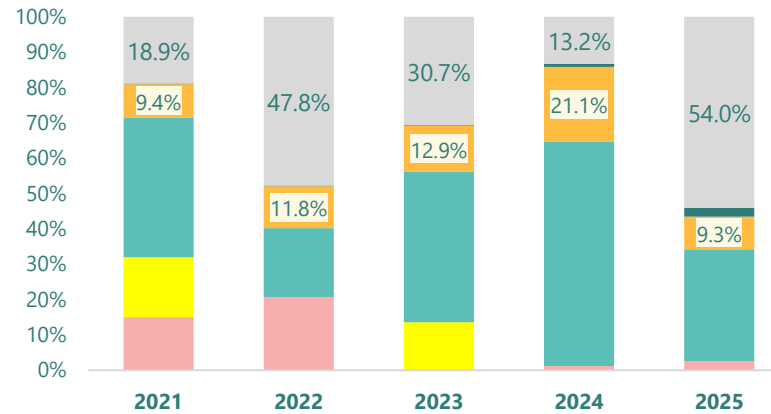
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

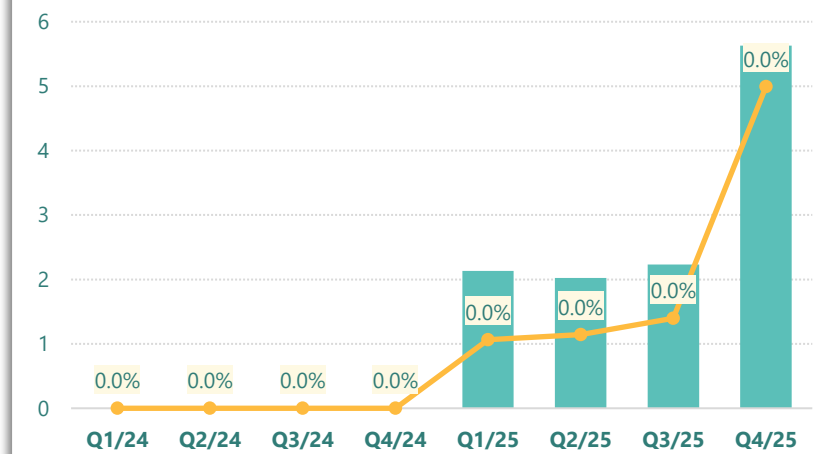


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

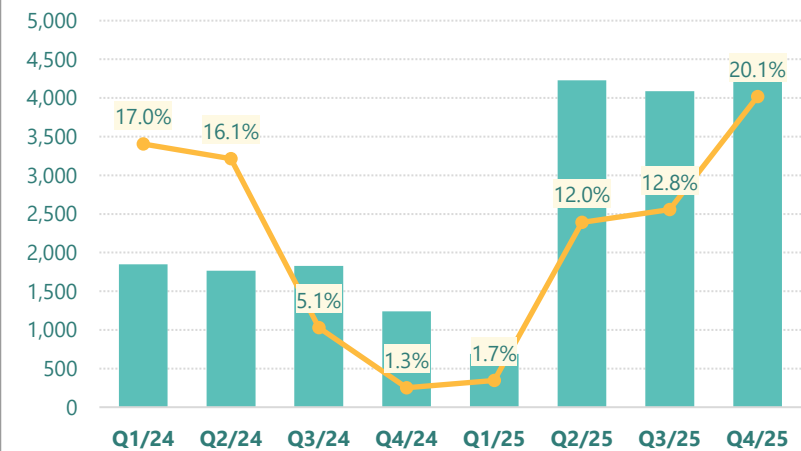


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

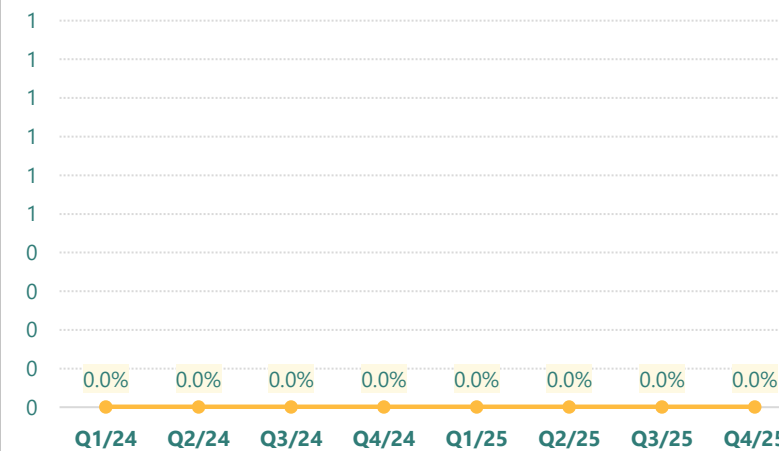


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

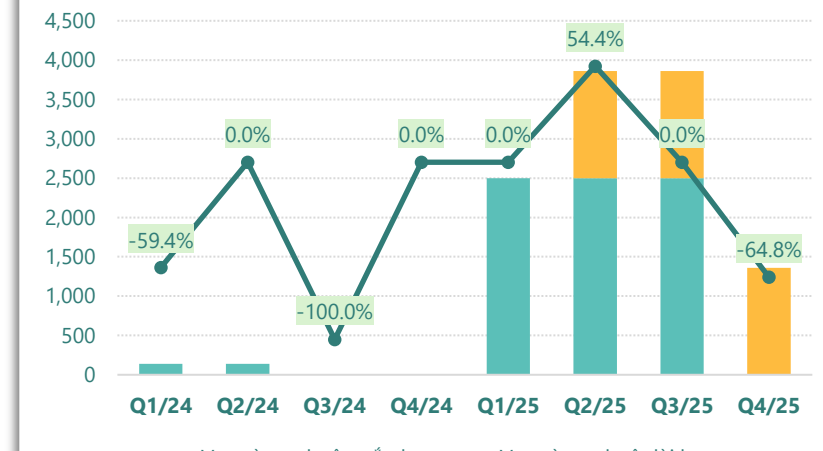


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

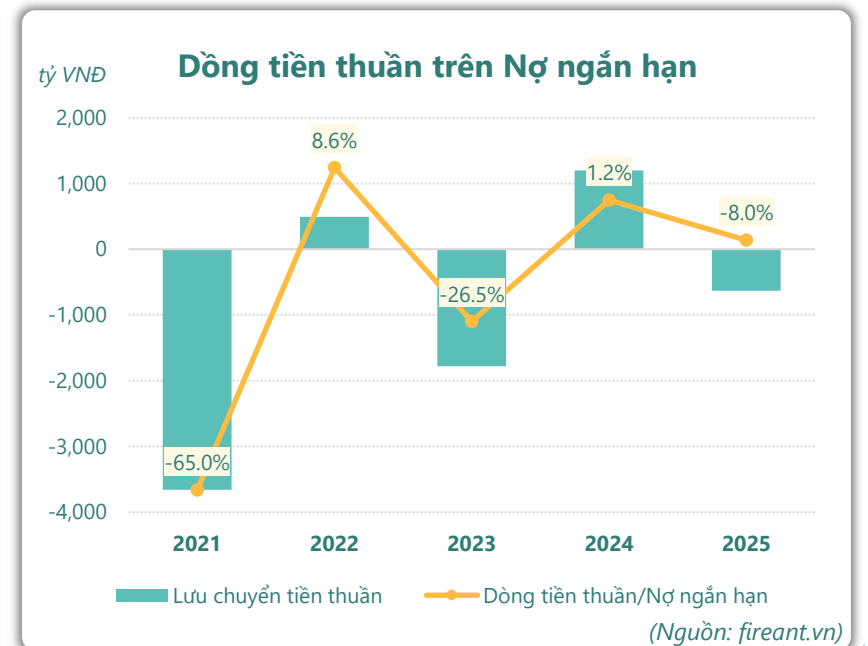
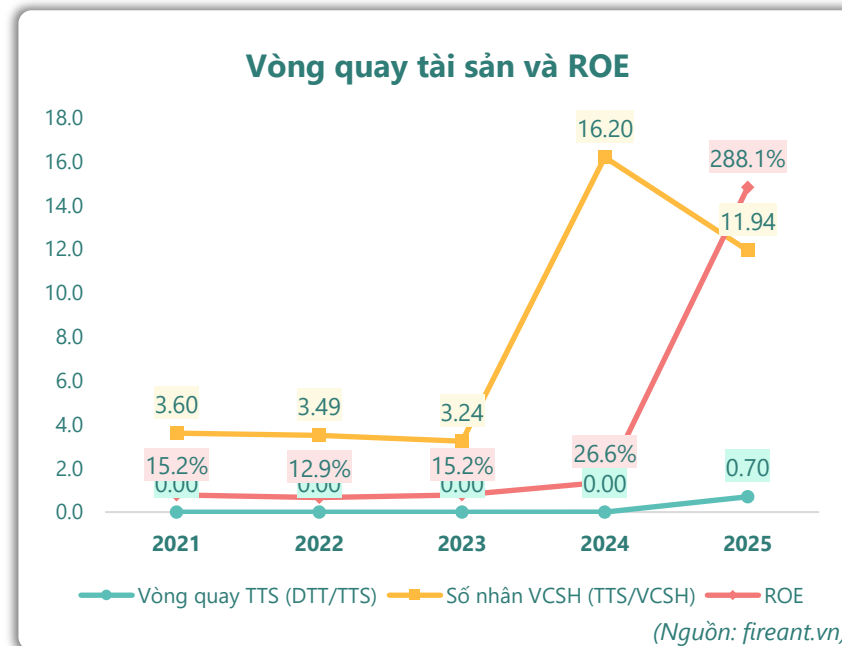
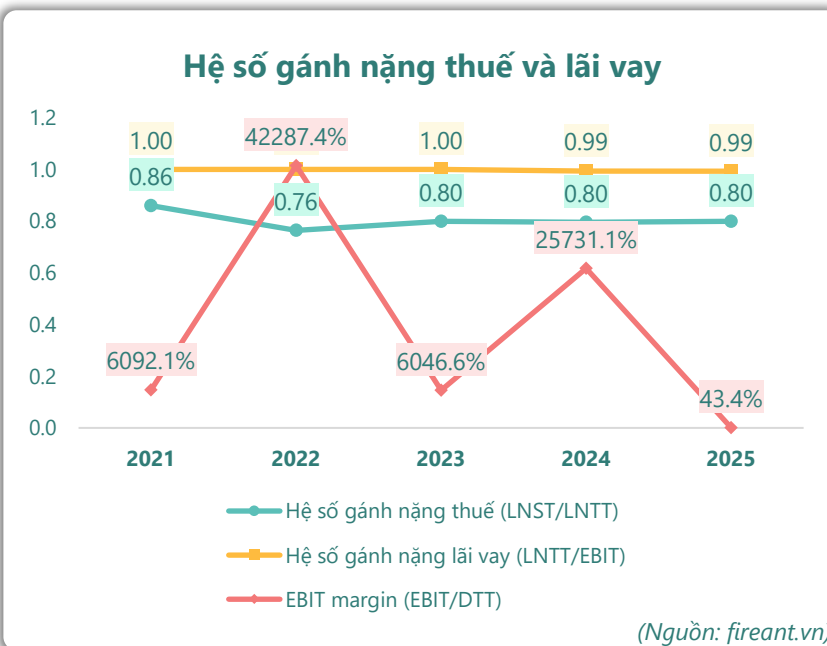
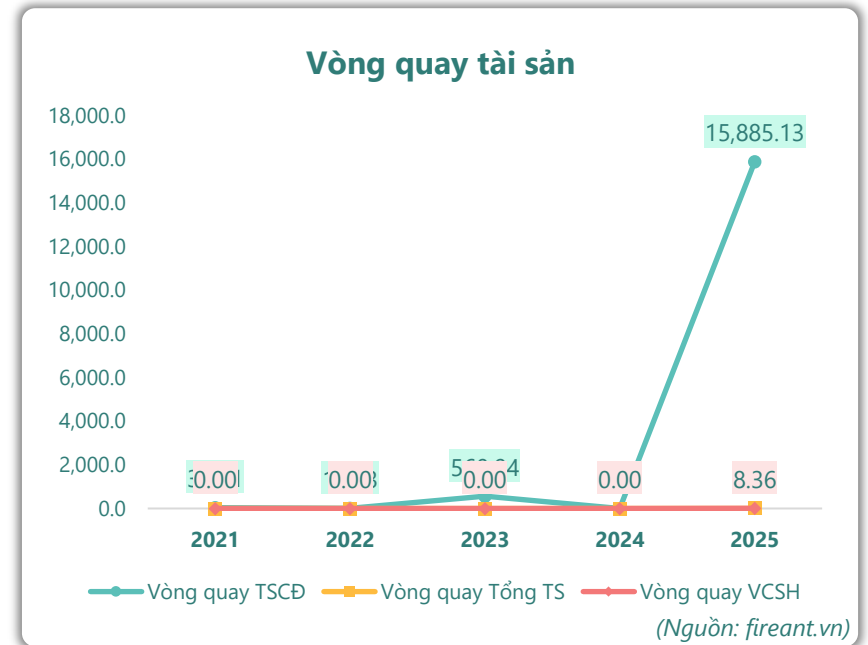
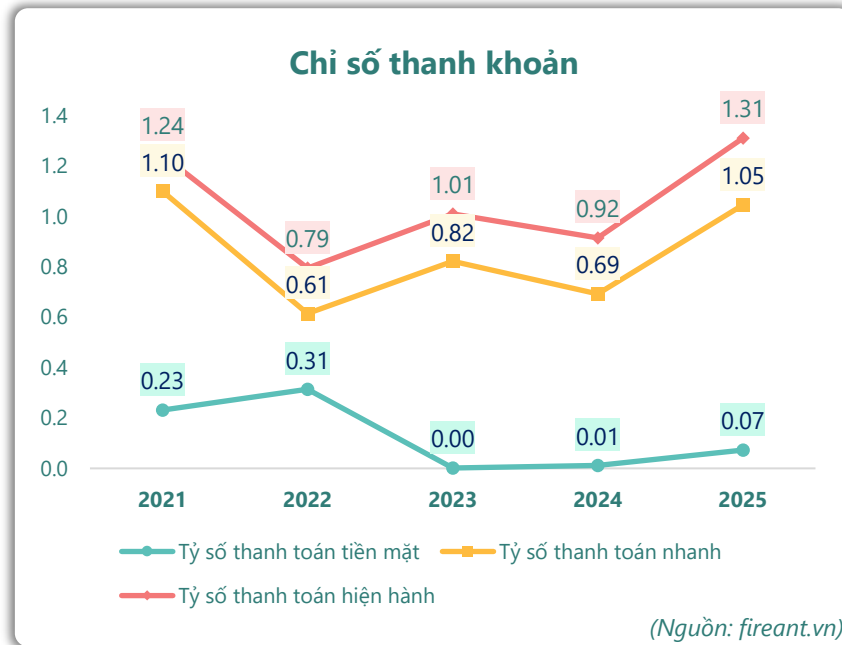
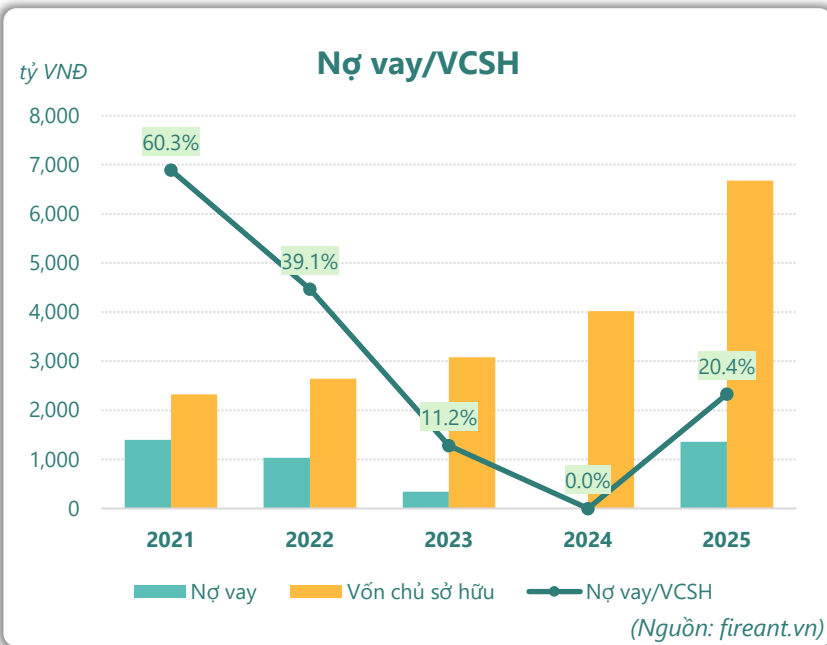
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	113	0.13	87081%	44,725	4.64	964623%
Giá vốn hàng bán	157	2.95	5239%	27,929	14.4	193974%
Lợi nhuận gộp	-44.2	-2.83	-1460%	16,795	-9.76	172273%
Doanh thu HĐTC	250	560	-55.4%	3,045	1,255	143%
Chi phí TC	33.4	8.15	310%	292	47.0	522%
Chi phí lãi vay	0	0.00		136	7.94	1607%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	65.6	15.1	334%	68.9	0.45	15145%
Chi phí QLDN	114	3.45	3218%	127	8.70	1355%
LN thuần từ HĐKD	-7.77	530	-101%	19,352	1,189	1528%
Lợi nhuận khác	-16.9	15.7	-208%	-81.8	-3.62	-2159%
LN trước thuế	-24.7	546	-105%	19,270	1,185	1526%
Lợi nhuận sau thuế	-15.4	434	-104%	15,403	942	1535%
LNST của CĐ cty mẹ	-15.4	434	-104%	15,403	942	1535%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,430	29,909	6,456	448	2,854	-4,205
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3,629	-28,732	-6,040	-5,619	4,260	12,586
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2,347	0	2,500	1,360	-7,246	-7,984
Tiền đầu kỳ	181	33.1	1,210	4,125	314	182
Lưu chuyển tiền thuần	-148	1,176	2,916	-3,811	-133	397
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.11	0	0	0	0.21
Tiền cuối kỳ	33.1	1,210	4,125	314	182	579

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	22,556	105,107	-78.5%
Tài sản ngắn hạn	10,370	91,182	-88.6%
Tiền và tương đương tiền	579	1,210	-52.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7,134	66,837	-89.3%
Hàng tồn kho	2,097	22,157	-90.5%
Tài sản ngắn hạn khác	560	978	-42.7%
Tài sản dài hạn	12,186	13,926	-12.5%
Phải thu dài hạn	500	11,507	-95.7%
Tài sản cố định	5.63	0	
Bất động sản đầu tư	6,249	0	
Tài sản dở dang	4,532	1,153	293%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	900	1,266	-28.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15,880	101,089	-84.3%
Nợ ngắn hạn	7,912	99,616	-92.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2,462	52.4	4598%
Nợ dài hạn	7,968	1,472	441%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,360	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,676	4,018	66.1%
Vốn chủ sở hữu	6,676	4,018	66.1%
Vốn điều lệ	1,666	1,666	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

